Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 28.12.2019 07:24:16 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 487 /UBND-KTTC | *Tây Ninh, ngày 27 tháng 12 năm 2019* |

# BÁO CÁO
## Về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng (từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/12/2019)

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01/7/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo các nội dung như sau:

**I. Tình hình thực hiện quy hoạch các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng**

- UBND tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 tại Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 và ban hành Kế hoạch số 1648/KH-UBND ngày 01/8/2019 về việc phân công nhiệm vụ tham mưu nội dung triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Các sở, ban ngành đã và đang triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh phân công tại Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 và Kế hoạch số 1648/KH-UBND.

- Căn cứ nhu cầu sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của các địa phương, UBND tỉnh Tây Ninh hiện đang xem xét ban hành Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Tây Ninh năm 2020.

**II. Hoạt động đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng**

1. Vật liệu xây dựng chủ yếu

- Đối với dự án đầu tư sản xuất VLXD chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP (gồm: Xi măng, vật liệu ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng, vôi, vật liệu chịu lửa): Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, hiện nay chỉ có Nhà máy xi măng Fico Tây Ninh (đang xin phép đầu tư giai đoạn 2) và Bộ Xây dựng đã có ý kiến tại Công văn số 940/BXD-VLXD ngày 02/5/2019 về việc đầu tư dự án xi măng Tây Ninh 2, tỉnh Tây Ninh.

- Khi có phát sinh nhà đầu tư mới vào hoạt động sản xuất các sản phẩm VLXD chủ yếu khác trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Tây Ninh sẽ giao Sở Xây dựng tham mưu lấy ý kiến Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Gạch đất sét nung

Hiện nay, tỉnh Tây Ninh đã dừng kêu gọi đầu tư mới, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh và khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi sang sản xuất vật liệu xây không nung.

3. Cát nhân tạo

- Sở Xây dựng Tây Ninh đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh kêu gọi đầu tư sản xuất cát nghiền tại khu vực Đồi 95, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tại Công văn số 1533/SXD-QLN&VLXD ngày 24/6/2019.

- Nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích tìm nguồn nguyên vật liệu đầu tư phát triển sản xuất cát nhân tạo sử dụng làm vật liệu xây dựng thay thế cát tự nhiên, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh thông báo đến các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư sản xuất đá xây dựng và cát nghiền tại vị trí Khu vực Đồi 95, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Công văn số 1462/SKHĐT-HTĐT ngày 03/7/2019).

**III. Tình hình sử dụng vật liệu xây không nung tại tỉnh Tây Ninh**

1. Việc tăng cường đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển vật liệu không nung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-TTg; các chính sách, cơ chế khuyến khích đầu tư sản suất và tiêu thụ vật liệu không nung tại địa phương

- UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 về ban hành Kế hoạch triển khai phát triển sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung và lộ trình hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Theo Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 26/12/2018, vật liệu xây không nung có tổng CSTK giai đoạn đến năm 2020 đạt 360 – 375 triệu viên QTC/năm (chiếm 30% của số liệu dự báo nhu cầu vật liệu xây tỉnh Tây Ninh).

2. Việc sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng theo Điều 3, Điều 6 Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng

- Ngay sau khi Thông tư số 13/2017/TT-BXD có hiệu lực, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng và các phòng chuyên môn trực thuộc UBND các huyện, thành phố trong tỉnh thực hiện thẩm định dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công đã nghiêm túc chấp hành; các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn vay của doanh nghiệp có vốn nhà nước lớn hơn 30% trên địa bàn tỉnh đều có sử dụng vật liệu xây không nung.

- Vật liệu xây không nung đã được Liên Sở Xây dựng – Tài chính đưa vào công bố giá hàng tháng; các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung đã thực hiện hồ sơ công bố hợp quy sản phẩm trước khi cung ứng ra thị trường.

- Việc thanh tra, kiểm tra tình hình sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng: Sở Xây dựng thực hiện thường xuyên khi kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, hàng năm Sở Xây dựng đều có ban hành Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD sử dụng trong công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

**IV. Tình hình xóa bỏ các lò sản xuất gạch đất sét nung thủ công tại tỉnh Tây Ninh**

- Trên cơ sở Quyết định số 1469/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 26/12/2018. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1510/KH-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2020.

- Thực hiện Công văn số 8616/VPCP-CN ngày 10/9/2018 của Văn phòng Chính phủ thực hiện lộ trình chấm dứt hoạt động của các lò gạch đất sét nung sử dụng công nghệ lạc hậu và thực hiện các dự án sản xuất gạch đất sét nung, ngày 09/10/2019, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 2187/QĐ-UBND về Tiêu chí để xem xét, chấp thuận chủ trương cho các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung gia hạn thời gian hoạt động, chuyển đổi công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Theo đó, đối với các cơ sở đang sản xuất GĐSN lò Hoffman sử dụng nhiên liệu hóa thạch: Phải chấm dứt hoạt động trước ngày **30/6/2020**. Công nghệ sản xuất gạch đất sét nung phải đáp ứng mức tiêu hao nhiệt năng ≤ 360 kcal/kg; tiêu hao điện năng ≤ 0,022 kWh/kg.

Đến nay, có 01 doanh nghiệp được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư là Công ty TNHH Minh Tân (Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Minh Tân được chuyển đổi công nghệ gạch Hoffman sang Tuynen).

- Trên địa bàn tỉnh chỉ có 01/76 doanh nghiệp sản xuất gạch đất sét nung lò đứng liên tục (Công ty TNHH Tăng Thành, địa chỉ: Ấp Long Chẩn, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh), Công ty đã chấm dứt hoạt động trước năm 2018. Đa số các doanh nghiệp còn lại sản xuất gạch dây chuyền hoffman sử dụng nguyên liệu đốt là trấu, mùn cưa, củi, ...

**V.Đề xuất các chính sách phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường**

UBND tỉnh Tây Ninh kiến nghị Bộ Xây dựng các nội dung sau:

1. Tham mưu Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp và người lao động khi thực hiện xóa bỏ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung, chuyển đổi công nghệ hoặc chuyển sang đầu tư gạch không nung.

2. Hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến sản xuất và sử dụng cát nghiền trong các công trình xây dựng.

3. Tham mưu Chính phủ tăng cường ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung: Giảm thuế để giảm giá thành gạch không nung tiến đến giảm bớt và thay thế việc sử dụng gạch đất sét nung.

*(Báo cáo số liệu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và tình hình sử dụng vật liệu xây tỉnh Tây Ninh năm 2019 theo Mẫu số 06, 07 Phụ lục Thông tư số 02/2019/TT-BXD đính kèm)*

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kính báo cáo Bộ Xây dựng./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Xây dựng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP; PCVP (Nhung); TKTC;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT.

U.Khoi
5

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Văn Thắng

**Phụ lục I**

**BÁO CÁO CÁC SỐ LIỆU VỀ LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

| Stt | Chủng loại vật liệu xây dựng | Đơn vị tính | Tổng số cơ sở sản xuất | Tổng công suất | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thiết kế | Thực tế | |
| 1 | Xi măng | Triệu tấn | 1 | 1.500 | 1.500 | |
| 2 | Gạch ốp lát | Triệu $m^2$ | Không | | | |
| 3 | Sứ vệ sinh | Triệu SP | Không | | | |
| 4 | Kính xây dựng | Triệu $m^2$ (QTC) | Không | | | |
| 5 | Vôi công nghiệp | Tấn | Không | | | |
| 6 | Vật liệu xây | Tỷ viên | | | | |
| - | Vật liệu xây nung | Triệu viên/năm | 73 | 1.131,30 | 1.131,30 | |
| - | Vật liệu xây không nung | Triệu viên/năm | 4 | 74.9 | 74.9 | |
| 7 | Tấm lợp fibro xi măng | triệu $m^2$ | Không | | | |
| 8 | Đá ốp lát | $m^2$ | Không | | | |
| 9 | Đá xây dựng | $m^3$/năm | 1 | 450.000 | 460.000 | |
| 10 | Cát xây dựng | $m^3$/năm | 19 | 685.000,10 | 645.100 | |

**Phụ lục II**

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VẬT LIỆU XÂY

**(Năm: 2019)**

| STT | Công trình | Địa điểm xây dựng | Vật liệu sử dụng | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Gạch xây | | | Tấm tường | | |
| | | | ĐVT | Gạch nung | Gạch không nung | ĐVT | Khối lượng | |
| **I** | **Huyện Tân Biên** | | | | | | | |
| 1 | Nhà bếp Ban Chỉ huy quân sự huyện | Thị trấn Tân Biên | Viên | 46.773 | | | | |
| 2 | Xây mới NLV Hạt Kiểm Lâm Tân Biên | Thị trấn Tân Biên | Viên | 52.101 | 9.944 | | | |
| 3 | Trường mẫu giáo 2/9 | Thị trấn Tân Biên | Viên | 84.777 | 1.448 | | | |
| 4 | Trung tâm Văn hoá thể thao huyện Tân Biên | Thị trấn Tân Biên | Viên | 85 | 98.891 | | | |
| 5 | Trường THCS Thị trấn, hạng mục: xây mới 08 phòng học | Thị trấn Tân Biên | Viên | 40.022 | 18.679 | | | |
| 6 | Trường Tiểu học Tân Thạnh (điểm chính) | xã Tân Bình | Viên | 37.209 | | | | |
| 7 | Trường THCS Thiện Ngôn | xã Tân Bình | Viên | 57.080 | 107.298 | | | |
| 8 | Xây dựng Trung tâm VHTT-HTCĐ xã Tân Bình | xã Tân Bình | Viên | 130 | 6.158 | | | |
| 9 | Xây dựng nhà văn hoá ấp Tân Thạnh xã Tân Bình | xã Tân Bình | Viên | | 2.695 | | | |
| 10 | Xây dựng nhà văn hoá ấp Tân Nam xã Tân Bình | xã Tân Bình | Viên | | 2.695 | | | |
| 11 | Xây mới nhà làm việc Công an, Ban CHQS xã Thạnh Bình | xã Tân Bình | Viên | 56.564 | 21.581 | | | |
| 12 | Xây dựng chốt dân quân Cây Cầy | xã Tân Bình | Viên | 11.822 | 1.914 | | | |
| 13 | Trường Tiểu học Tân Bình | xã Tân Bình | Viên | 67.032 | 8.460 | | | |
| 14 | Trường Mầm non Marie Louis Phạm Ngọc Thạch | xã Tân Bình | Viên | 23.935 | | | | |
| 15 | Trường Tiểu học Tân Thạnh (điểm phụ) | xã Tân Bình | Viên | 52.378 | | | | |

| STT | Công trình | Địa điểm xây dựng | Vật liệu sử dụng | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Gạch xây | | | Tấm tường | | |
| | | | ĐVT | Gạch nung | Gạch không nung | ĐVT | Khối lượng | |
| 16 | Nhà văn hoá ấp 3 xã Trà Vong | xã Trà Vong | Viên | 26.023 | | | | |
| 17 | Nhà văn hoá ấp Suối ông Đình xã Trà Vong | xã Trà Vong | Viên | 14.407 | 8.316 | | | |
| 18 | Xây dựng trụ sở UBND xã Trà Vong | xã Trà Vong | Viên | 58.704 | 15.108 | | | |
| 19 | Nhà làm việc công an xã Thạnh Tây | xã Thạnh Tây | Viên | 2.744 | 9.030 | | | |
| 20 | Nâng cấp cải tạo hội trường UBND xã Thạnh Tây | xã Thạnh Tây | Viên | | 2.238 | | | |
| 21 | Xây dựng chốt dân quân Trảng Dầu | xã Tân Lập | Viên | 10.857 | 2.007 | | | |
| 22 | Các công trình phục vụ du lịch sinh thái tại vườn Quốc Gia Lò Gò - Xa Mát (giai đoạn 2) | huyện Tân Biên | Viên | 388.483 | 40.709 | | | |
| **II** | **Huyện Tân Châu** | | | | | | | |
| 1 | Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng xã Suối Ngô | Suối Ngô | Viên | 44.381 | 4.418 | | | |
| 2 | Trường Mầm non Suối Ngô (giai đoạn 2) | Suối Ngô | Viê n | 91.488 | 8.399 | | | |
| 3 | Trường Mầm non Sơn Ca | Suối Ngô | Viên | 28.709 | 7.697 | | | |
| 4 | Trường Tiểu học Tân Hà | Tân Hà | Viên | 63.103 | 49.723 | | | |
| 5 | Trường Tiểu học Suối Ngô B | Suối Ngô | Viên | 24.884 | 21.802 | | | |
| 6 | Nhà làm việc Công an – Xã Đội | Tân Đông | Viê n | | 105.024 | | | |
| 7 | Nhà văn hóa ấp Hội Tân | Tân Hội | Viên | 296 | 1.741 | | | |
| 8 | Nhà văn hóa ấp Con Trăn | Tân Hòa | Viên | | 3.037 | | | |
| 9 | Nhà văn hóa ấp Suối Bà Chiêm | Tân Hòa | Viên | 15.224 | | | | |
| 10 | Trường Tiểu học Suối Ngô D | Suối Ngô | Viê | 51.402 | 14.090 | | | |
| 11 | Trường THCS Tân Phú | Tân Phú | Viên | 23.379 | 18.773 | | | |
| 12 | Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 01 | Suối Ngô | Viên | 15.748 | | | | |
| 13 | Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 02 | Suối Ngô | Viên | 14.956 | | | | |
| 14 | Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 03 | Suối Ngô | Viên | 15.658 | | | | |
| 15 | Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 05 | Suối Ngô | Viên | 14.679 | | | | |
| 16 | Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 07 | Suối Ngô | Viên | 14.231 | | | | |
| 17 | Chốt biên phòng Đông Hà | Tân Đông | Viên | 4.797 | 7.629 | | | |
| 18 | Chốt dân quân Bàu Sen | Tân Hà | Viên | 4.882 | 7.763 | | | |
| 19 | Nâng cấp NVH-KTT ấp Trảng Ba Chân | Suối Ngô | Viên | 6.000 | 4.582 | | | |
| 20 | Nâng cấp nhà văn hóa – khu thể thao ấp 04 | Suối Ngô | Viên | 5.430 | 2.100 | | | |

| STT | Công trình | Địa điểm xây dựng | Vật liệu sử dụng | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Gạch xây | | | Tấm tường | | |
| | | | ĐVT | Gạch nung | Gạch không nung | ĐVT | Khối lượng | |
| 21 | Trường Tiểu học Suối Ngô C | Suối Ngô | Viên | 12.748 | 10.206 | | | |
| 22 | Trường Tiểu học Suối Ngô A | Suối Ngô | Viên | 1.276 | 7.760 | | | |
| 23 | Xây mới Trụ sở làm việc UBND xã Tân Hội | Tân Hội | Viên | 41.620 | 15.905 | | | |
| 24 | Hàng rào xung quanh trụ sở làm việc BQL rừng phòng hộ Dầu Tiếng | Xã Suối Ngô, huyện Tân Châu | Viên | 16.965 | | $m^3$ | 25,51 | |
| 25 | Nhà tập thể cho cán bộ, nhân viên BQL rừng phòng hộ Dầu Tiếng | Xã Suối Ngô, huyện Tân Châu | Viên | 27.957 | 9.325 | $m^3$ | 136,437 | |
| **III** | **Huyện Dương Minh Châu** | | | | | | | |
| 1 | Xây mới nhà làm việc khối đoàn thể xã Lộc Ninh | Lộc Ninh | Viên | 87.956 | | | | |
| 2 | Sửa chữa trường THCS Bàu Năng khối 18 phòng học lầu | xã Bàu Năng | Viên | 20.497 | | | | |
| 3 | Sửa chữa hội trường, nhà trực gác bảo vệ nhà tạm giữ công an huyện | Thị trấn DMC | Viên | 19.830 | | | | |
| 4 | Sửa chữa, mua sắm bàn ghế, thiết bị hội trường xã Phan | xã Phan | Viên | 4.904 | | | | |
| 5 | Xây mới nhà làm việc công an, quân sự xã Cầu Khởi cải tạo khối nhà phụ trợ | xã Cầu Khởi | Viên | 67.837 | | | | |
| 6 | Mở rộng hội trường UBND xã, xây mới nhà kho lưu trữ Xã Cầu Khởi | xã Cầu Khởi | Viên | 31.183 | | | | |
| 7 | Xây mới nhà làm việc khối đoàn thể Xã Phan | xã Phan | Viên | 69.512 | | | | |
| 8 | Mở rộng trường mẫu giáo Xã Phan | xã Phan | Viên | 62.607 | | | | |
| 9 | Xây mới nhà làm việc quân sự Xã Chà Là | xã Chà Là | Viên | 45.240 | | | | |
| 10 | Sửa chữa nhà làm việc công an xã Chà Là | xã Chà Là | Viên | 6.555 | | | | |
| 11 | Xây mới nhà kho lưu trữ xã Chà Là | xã Chà Là | Viên | 10.455 | | | | |
| 12 | Sửa chữa hàng rào Trường tiểu học Phước Hiệp | xã Phước Minh | Viên | 5.085 | | | | |
| 13 | Sửa chữa, mua sắm bàn ghế, thiết bị hội trường xã Phan hội trường xã Phước Minh | xã Phước Minh | Viên | 21.902 | | | | |
| 14 | Sửa chữa, mua sắm bàn ghế, thiết bị hội trường xã Suối Đá | xã Suối Đá | Viên | 5.671 | | | | |
| 15 | Xây dựng mới cổng, hàng rào Ban chỉ huy quân sự huyện | Thị trấn DMC | Viên | 82.347 | | | | |

| STT | Công trình | Địa điểm xây dựng | Vật liệu sử dụng | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Gạch xây | | | Tấm tường | | |
| | | | ĐVT | Gạch nung | Gạch không nung | ĐVT | Khối lượng | |
| 16 | Trường THPT Dương Minh Châu | Huyện Dương Minh Châu | Viên | 64.844 | | | | |
| **IV** | **Huyện Gò Dầu** | | | | | | | |
| 1 | Trường Mầm non Thạnh Đức | xã Thạnh Đức | Viên | 531 | 143.469 | | | |
| 2 | Cải tạo, sửa chữa văn phòng khu phố nội ô A | Thị trấn Gò Dầu | Viên | 3.062 | | | | |
| 3 | Cải tạo, sửa chữa văn phòng khu phố nội Thanh Bình C | Thị trấn Gò Dầu | Viên | 2.292 | | | | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo hội trường UBND xã Thạnh Đức | Xã Thạnh Đức | Viên | 1.023 | | | | |
| 5 | Trường Tiểu học Thanh Hà | Thị trấn Gò Dầu | Viên | | 142.189 | | | |
| 6 | Chống ồn hội trường UBND huyện, phòng họp Ban Chấp hành Huyện ủy, cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 Ban | Thị trấn Gò Dầu | Viên | 600 | | | | |
| 7 | Sân nền huyện Đoàn Gò Dầu | Thị trấn Gò Dầu | Viên | 3.811 | | | | |
| 8 | Nâng cấp, cải tạo chợ xã Hiệp Thạnh | xã Hiệp Thạnh | Viên | 28.915 | | | | |
| 9 | Sân vận động huyện Gò Dầu | xã Hiệp Thạnh | Viên | | 61.082 | | | |
| 10 | Trường THPT Quang Trung | huyện Gò Dầu | Viên | 102.991 | 19.095 | | | |
| **V** | **Huyện Trảng Bàng** | | | | | | | |
| 1 | Nhà VH-VP ấp Phước Bình | xã Phước Chỉ | Viên | 6.037 | 12.913 | | | |
| 2 | Nhà VH-VP ấp Phước Thuận | xã Phước Chỉ | Viên | 6.037 | 12.913 | | | |
| 3 | Cải tạo Nhà VH-VP ấp Phước Hưng | xã Phước Chỉ | Viên | 795 | 0 | | | |
| 4 | Nhà VH-VP ấp Phước Hội | xã Phước Chỉ | Viên | 6.037 | 12.913 | | | |
| 5 | Nhà VH-VP ấp Phước Lập | xã Phước Chỉ | Viên | 6.037 | 12.913 | | | |
| 6 | Hội trường xã Lộc Hưng | xã Lộc Hưng | Viên | 31.717 | 68.661 | | | |
| 7 | Trụ sở Ban QLD ĐTXD huyện | TT. Trảng Bàng | Viên | 7.823 | 64.046 | | | |
| 8 | Nâng cấp Trường MG Phước Chỉ | xã Phước Chỉ | Viên | 20.846 | 80.887 | | | |
| 9 | Trường MG Bình Minh - 07 phòng | xã Bình Thạnh | Viên | 100.305 | 17.079 | | | |
| 10 | Trường MG Hoa Mai - 12 phòng | xã An Hoà | Viên | 154.312 | 28.498 | | | |
| 11 | Trường MG Bông Hồng | xã Gia Lộc | Viên | 77.687 | 7.564 | | | |
| 12 | Trường THCS Bình Thạnh | xã Bình Thạnh | Viên | 125.617 | 5.607 | | | |
| **VI** | **Huyện Bến Cầu** | | | | | | | |
| 1 | Trường trung học cơ sở Lợi Thuận (đạt chuẩn) | xã Lợi Thuận | Viên | 20.170 | 8.510 | | | |

| STT | Công trình | Địa điểm xây dựng | Vật liệu sử dụng | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Gạch xây | | | Tấm tường | | |
| | | | ĐVT | Gạch nung | Gạch không nung | ĐVT | Khối lượng | |
| 2 | Công trình phụ trường THCS Lợi Thuận | xã Lợi Thuận | Viên | 76.690 | | | | |
| 3 | Công trình phụ trường Tiểu học Lợi Thuận B | xã Lợi Thuận | Viên | 69.300 | | | | |
| 4 | Trường mẫu giáo Lợi Thuận (đạt chuẩn) | xã Lợi Thuận | Viên | 276.820 | 54.960 | | | |
| 5 | Công trình phụ trường Mẫu giáo Lợi Thuận | xã Lợi Thuận | Viên | 43.030 | 10.280 | | | |
| 6 | Hội trường công an huyện | xã Lợi Thuận | Viên | 112.280 | | | | |
| 7 | Công viên 15/3 | Thị trấn Bến Cầu | Viên | 39.365 | | | | |
| 8 | Khu từ trần trong nghĩa trang liệt sỹ huyện Bến Cầu | Thị trấn Bến Cầu | Viên | 22.629 | | | | |
| 9 | Sửa chữa hệ thống vệ sinh doanh trại đại đội bộ binh C61 | Thị trấn Bến Cầu | Viên | 708 | | | | |
| 10 | Tu sửa cơ sở vật chất hè 10 điểm trường | | | | 10.289 | | | |
| 11 | Xây dựng BCHQS xã Tiên Thuận | xã Tiên Thuận | Viên | 4.178 | 52.365 | | | |
| 12 | Xây dựng chốt dân quân Gò Ngãi | xã Lợi Thuận | Viên | 5.112 | 26.689 | | | |
| 13 | Xây dựng Hàng rào BCH quân sự huyện | Thị trấn Bến Cầu | Viên | 55.103 | 0 | | | |
| 14 | Xây dựng mới 04 phòng học mầm non xã Long Giang | xã Long Giang | Viên | 156.324 | 0 | | | |
| 15 | Xây dựng BCHQS xã Long Phước | xã Long Phước | Viên | 16.123 | 43.721 | | | |
| 16 | Xây dựng mới nhà 01 cửa xã Long Chữ | xã Long Chữ | Viên | 39.562 | 0 | | | |
| 17 | Xây dựng Chốt dân quân Bàu Năng | xã Long Phước | Viên | 5.122 | 26.695 | | | |
| 18 | Cải tạo, sửa chữa Khu Di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Bàu Rong - giai đoạn 1 | huyện Bến Cầu | Viên | 115.903 | | | | |
| **VII** | **Huyện Châu Thành** | | | | | | | |
| 1 | Trường Mẫu giáo Ninh Điền (giai đoạn 2) | xã Ninh Điền | Viên | 24.233 | 77.975 | | | |
| 2 | Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Ninh Điền (giai đoạn 2) | xã Ninh Điền | Viên | 55.897 | 20.391 | | | |
| 3 | Trường Mẫu giáo An Cơ (điểm chính) | xã An Cơ | Viên | 44.282 | 89.802 | | | |
| 4 | Xây mới nhà bảo vệ, nhà bếp, nhà xe Thanh tra huyện Châu Thành | Thị trấn Châu Thành | Viên | 10.188 | | | | |
| 5 | Xây mới phòng tạm giữ của công an xã Long Vĩnh | xã Long Vĩnh | Viên | 6.706 | | | | |
| 6 | Xây dựng văn phòng ấp trên địa bàn huyện | huyện Châu Thành | Viên | 24.007 | | | | |

| STT | Công trình | Địa điểm xây dựng | Vật liệu sử dụng | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Gạch xây | | | Tấm tường | | |
| | | | ĐVT | Gạch nung | Gạch không nung | ĐVT | Khối lượng | |
| 7 | Nhà Văn hóa Thể thao ấp Trà Sim | xã Ninh Điền | Viên | | 17.875 | | | |
| 8 | Nhà Văn hóa Thể thao ấp Bến Cừ | xã Ninh Điền | Viên | | 17.880 | | | |
| 9 | Trường Tiểu Học Gò Nổi | xã Ninh Điền | Viên | 85.654 | 85.852 | | | |
| 10 | Nâng cấp Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng xã Ninh Điền | xã Ninh Điền | Viên | | 106.237 | | | |
| 11 | Xây mới hàng rào khuôn viên các trụ sở cơ quan huyện | Thị trấn Châu Thành | Viên | 47.463 | | | | |
| 12 | Nâng cấp, cải tạo trụ sở chính UBND huyện Châu Thành (giai đoạn 2) | Thị trấn Châu Thành | Viên | | | | | |
| 13 | Trường TH Trà Sim | xã Ninh Điền | Viên | 23.770 | 31.880 | | | |
| 14 | Trường TH Bến Cừ | xã Ninh Điền | Viên | 59.042 | 91.127 | | | |
| 15 | Trường Mẫu giáo Hảo Đước | xã Hảo Đước | Viên | 20.567 | 58.494 | | | |
| 16 | Trường Mẫu giáo Phước Vinh | xã Phước Vinh | Viên | 33.902 | 19.884 | | | |
| 17 | Trường THCS Ninh Điền | xã Ninh Điền | Viên | 133.657 | 156.005 | | | |
| 18 | Sân nền, nhà xe, cải tạo nhà ăn phòng Tài chính - kế hoạch | Thị trấn Châu Thành | Viên | 6.673 | | | | |
| 19 | Trường Mẫu giáo Trí Bình | xã Trí Bình | Viên | 22.006 | 49.995 | | | |
| **VIII** | **Thành phố Tây Ninh** | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng nhà truyền thống và Bia tưởng niệm khu di tích lịch sử kháng chiến Thành phố | xã Bình Minh | Viên | | 143.826 | | | |
| 2 | Cải tạo, sửa chữa Hội trường UBND phường Ninh Thạnh | Phường Ninh Thạnh | Viên | | 29.347 | | | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp Đài truyền thanh Thành phố | Phường 2 | Viên | | 8.218 | | | |
| 4 | Sửa chữa trụ sở Ban chỉ huy quân sự và xây mới 02 phòng khu nhà nghỉ K2, ban chỉ huy quân sự Thành phố | xã Bình Minh | Viên | 64 | 9.755 | | | |
| 5 | Sân vận động thành phố Tây Ninh | Phường 2 | Viên | 32.030 | 62.156 | | | |
| 6 | Trường THCS Hiệp Ninh | Phường Hiệp Ninh | Viên | | 2.444.820.742 | | | |
| 7 | Trường mẫu giáo Hoàng Yến | Phường Ninh Sơn | Viên | | | | | |
| 8 | Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi | xã Tân Bình | Viên | 164.991.643 | 1.623 | | | |
| 9 | Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế dự phòng | Thành phố Tây Ninh | Viên | 201.427 | 130.728 | | | |

| STT | Công trình | Địa điểm xây dựng | Vật liệu sử dụng | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Gạch xây | | | Tấm tường | | |
| | | | ĐVT | Gạch nung | Gạch không nung | ĐVT | Khối lượng | |
| 10 | Trường THPT Tây Ninh | Thành phố Tây Ninh | Viên | | | | | |
| 11 | Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh (giai đoạn 2) | Thành phố Tây Ninh | Viên | 681.898 | | | | |
| 12 | Trường THPT Trần Đại Nghĩa | Thành phố Tây Ninh | Viên | | 493.513 | | | |
| **IX** | **Huyện Hòa Thành** | | | | | | | |
| 1 | Trường mầm non Rạng Đông | Thị Trấn | viên | 23.679 | 78.075 | | | |
| 2 | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm | Xã Hiệp Tân | viên | 105.947.000 | 55.857 | | | |
| 3 | Trường Mầm Non Hiệp Tân | Xã Hiệp Tân | viên | 57.547 | 11.093 | | | |
| 4 | Trường TH Hiệp Tân | Xã Hiệp Tân | viên | 56.430 | 35.788 | | | |
| 5 | Trường tiểu học Trường Hòa B | Xã Trường Hòa | viên | 85.544 | 22.018 | | | |
| 6 | Xây dựng TTVHTT -HTCĐ xã Trường Hòa | Xã Trường Hòa | viên | | 8.664 | | | |
| 7 | Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa ấp ấp Trường Xuân | Xã Trường Hòa | viên | 3.447 | | | | |
| 8 | Nhà văn hóa thể thao văn phòng ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa | Xã Trường Hòa | Viên | 2.695 | 8.148 | | | |
| 9 | Nhà văn hóa thể thao văn phòng ấp Trường Cửu | Xã Trường Hòa | Viên | 28.109 | | | | |
| 10 | Sửa chữa nhà làm việc BCH quân sự xã Trường Hòa, | Xã Trường Hòa | Viên | | 12.716 | | | |
| 11 | Xây mới trụ sở khối vận nhà làm việc công an xã Trường Hòa | Xã Trường Hòa | Viên | 10.614 | 36.614 | | | |
| 12 | Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy -UBND xã Trường Hòa | Xã Trường Hòa | Viên | 31.197 | 5.186 | | | |
| 13 | Xây mới nhà để xe, nhà ăn và cải tạo các hạng mục phụ trụ sở Huyện ủy huyện Hòa Thành | Thị Trấn Hòa Thành | Viên | 36.986.564 | 13.655 | | | |
| 14 | Nâng cấp trụ sở làm việc văn phòng Chi cục BVTV | Xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành | Viên | 1.860 | | $m^3$ | 2,574 | |
| **Tổng cộng** | | | **Viên** | **313.528.944** | **2.448.367.298** | **$m^3$** | **164,52** | |
| | | **Tỷ trọng** | | **88,63%** | **11,37%** | | | |